



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

DHC



MỤC LỤC



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

MỤC LỤC



04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



01

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các thành tích tiêu biểu
- Ngành nghề kinh doanh
- Địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Rủi ro trong quá trình hoạt động

Thông tin khái quát



- **Tên giao dịch:** Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- **Tên quốc tế:** DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE
- **Tên viết tắt:** DOHACO
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2003 và điều chỉnh lần thứ 20 ngày 10 tháng 01 năm 2023.
- **Địa chỉ:** Lô AIII, khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
- **Số điện thoại:** (0275) 3611 666
- **Số fax:** (0275) 3635 222 - (0275) 3611 222
- **Website:** www.dohacobentre.com.vn
- **Email:** donghai@dohacobentre.com
- **Mã cổ phiếu:** **DHC**
- **Vốn điều lệ:** **804.930.480.000 đồng**



Quá trình hình thành và phát triển



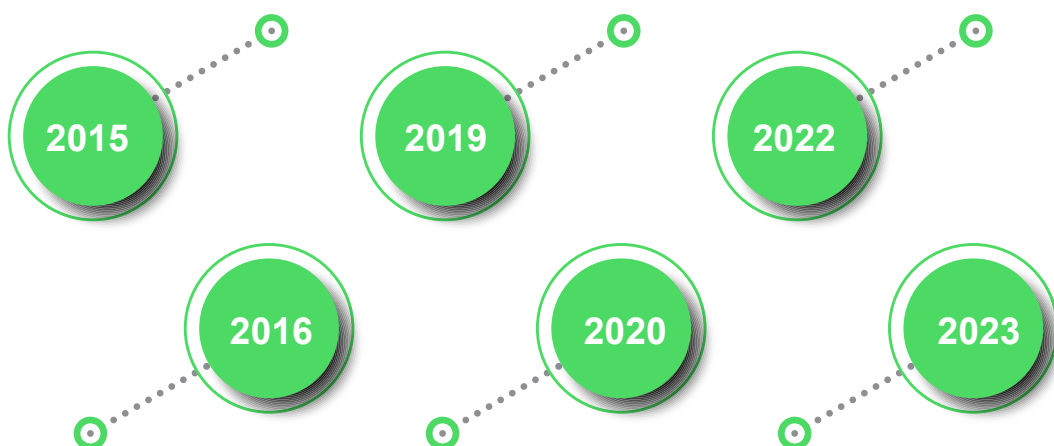
Quá trình hình thành và phát triển (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của Công ty về địa chỉ: Lô AIII KCN Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Đưa nhà máy Giao Long giai đoạn 2 đi vào hoạt động chính thức.

Tháng 04/2022: Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đi vào hoạt động chính thức.

Tháng 06/2022: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giấy Giao Long. Tổng vốn đầu tư của dự án 1.800 tỷ đồng.



Công ty triển khai thực hiện Dự án nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ ngày.

Thành lập Công ty con Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

Ngày 17/7/2023, Dự án Điện Mặt Trời được khởi công tại Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre.

Công ty góp vốn thêm 30 tỷ cho Công ty Cổ phần Bao Bì Bến Tre, nâng tổng vốn điều lệ công ty con này lên 180 tỷ.

Các thành tích tiêu biểu



Cúp vàng Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO

Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt



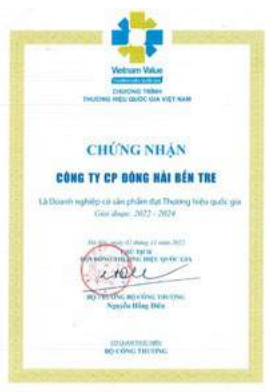
Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty CP

Đông Hải Bến Tre

Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023



Các thành tích tiêu biểu (tiếp theo)



Giấy chứng nhận Thương hiệu quốc gia – 2022



Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng – 2008



Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng – 2009

Ngành nghề kinh doanh

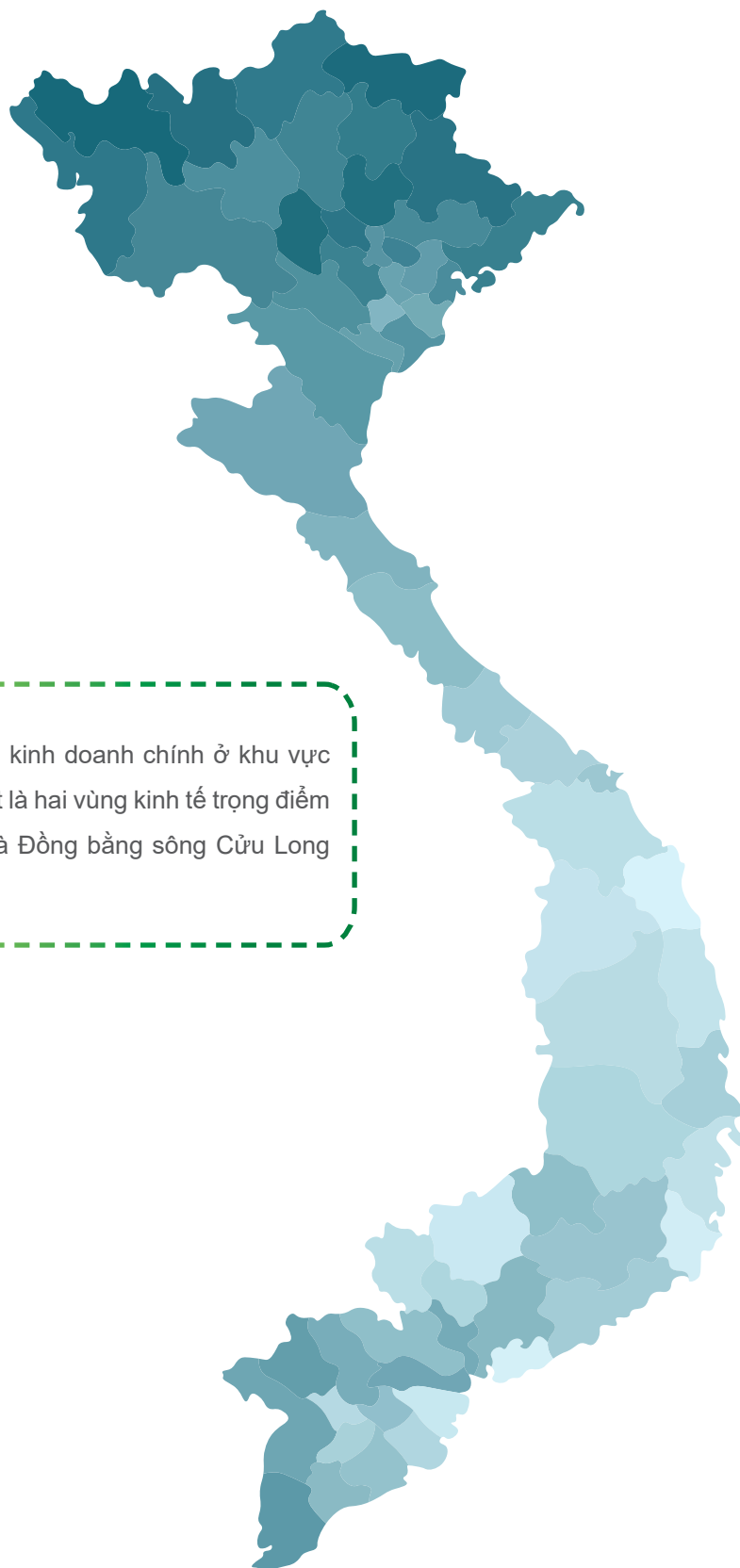
Ngành nghề kinh doanh

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1701 (Chính)	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic.
0332	Nuôi trồng thủy sản nội địa.
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
1702	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.
1811	In ấn.
1812	Dịch vụ liên quan đến in.
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
4632	Bán buôn thực phẩm.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.



Ngành nghề kinh doanh

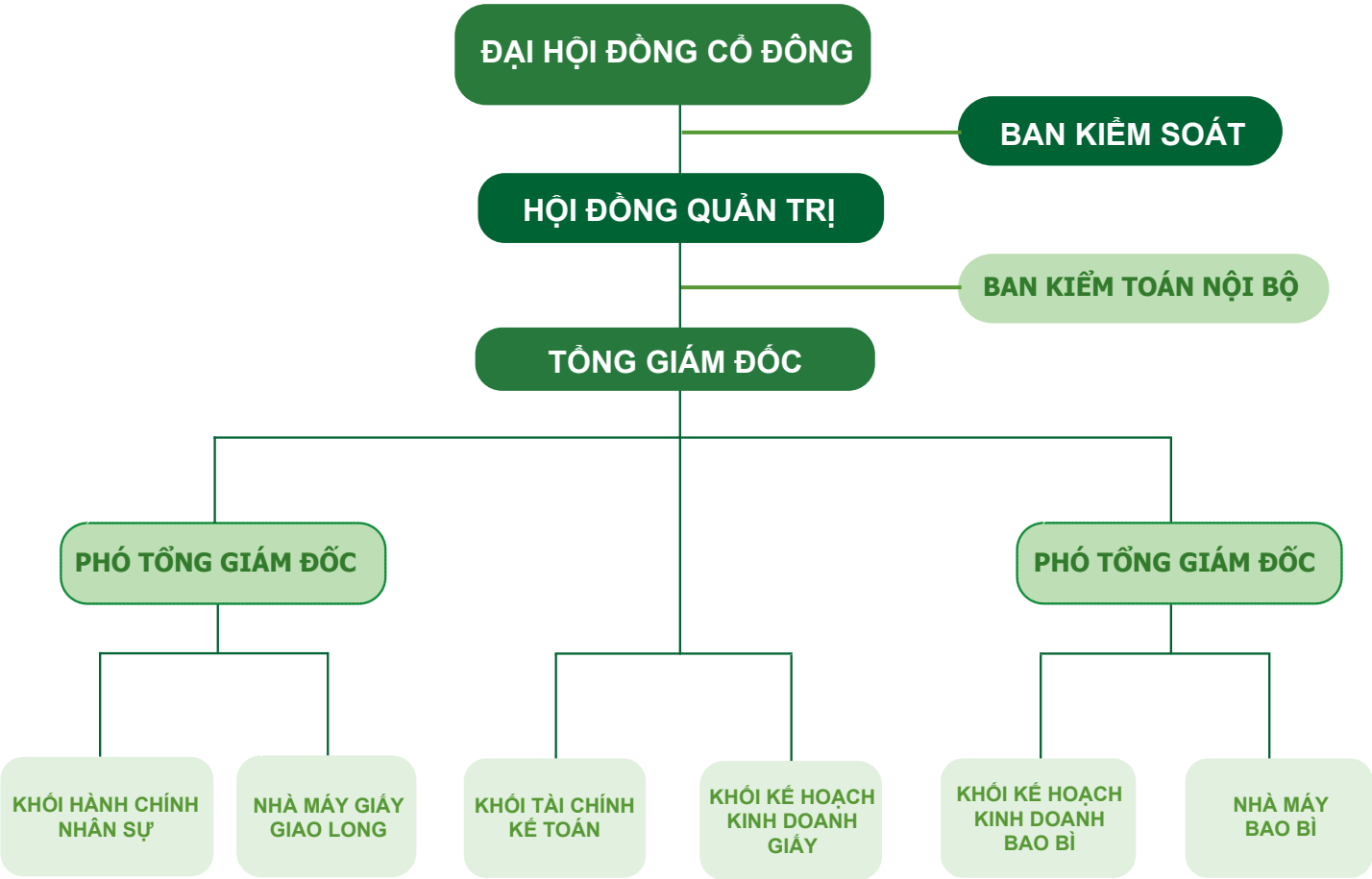
Địa bàn kinh doanh



Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực Miền Nam, đặc biệt là hai vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý



Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo mô hình quản trị theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp gồm ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tiếp theo)

Công ty con, Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I. Công ty con				
1	Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre	180.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh bao bì Carton	100,00%
2	Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	180.000.000.000	Sản xuất, kinh doanh giấy công nghiệp	98.32%
II. Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	10.000.000.000	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.	26%



Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Việc hạn chế rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilon và gia tăng khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang có dấu hiệu phát triển sâu rộng và mạnh tại Việt Nam. Những ưu điểm vượt trội của giấy bao bì so với bao bì nhựa, kim loại và gỗ đã khiến mặt hàng này dần trở nên phổ biến tại các nước trên thế giới. Với mong muốn vừa phát triển một dòng sản phẩm có xu hướng phát triển mang lại hiệu quả, vừa duy trì môi trường sống xung quanh và bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã quyết định đầu tư và tập trung sản xuất kinh doanh 02 dòng sản phẩm chính là giấy công nghiệp và bao bì carton. Đặc biệt, giấy công nghiệp GIAO LONG PAPER là dòng sản phẩm chủ lực, có mặt trên thị trường từ năm 2011 đến nay, ngày càng được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao và tin dùng.

Quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty.

Với lý tưởng đó, Đông Hải không ngừng nỗ lực, cống hiến cho sự đổi mới và chia sẻ giá trị đến các đối tác cùng đội ngũ nhân viên của mình. Chúng tôi luôn sẵn sàng và chào đón mọi cơ hội, thử thách trên hành trình thực hiện lý tưởng của mình.

Sứ mệnh

“Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn”

Thể hiện sự khát khao phát triển lớn mạnh của Công ty Đông Hải dựa trên nền tảng môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh nói riêng và cả đất nước Việt Nam nói chung, với xu hướng hiện tại của thế giới, các sản phẩm giấy thân thiện với môi trường đang dần được thay thế các sản phẩm từ nhựa gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường, góp phần thay đổi nhận thức của con người trong công cuộc bảo vệ môi trường xanh. Đây là lời kêu gọi toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hãy suy nghĩ và nhận thức nâng cao tinh thần trách nhiệm và có hành động thiết thực trong công việc hàng ngày của mình, kể cả ý thức và trách nhiệm trong việc ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.



Định hướng phát triển (tiếp theo)



Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi chính là giá trị quan trọng nhất, là linh hồn của Công ty. Khác với các giá trị theo nghĩa thông thường, giá trị cốt lõi của Công ty hướng đến chiều sâu, tính bền vững và lâu dài. Ở Đông Hải, chúng tôi sẵn sàng thể hiện và cho mọi người thấy rõ giá trị cốt lõi của Công ty: “Tôn trọng - Công bằng - Cam kết - An toàn - Đạo đức - Tuân thủ”. Đông Hải luôn hoạt động để đạt được giá trị quan trọng nhất mà Công ty đã đề ra.



Các mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty hoạt động trên tinh thần “DOHACO cam kết mang đến lợi ích tối đa cho khách hàng” với mục tiêu chủ yếu “Phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy công nghiệp - bao bì carton làm trọng tâm phát triển”. Công ty cũng tích cực tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong mảng giấy công nghiệp.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC) là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu tại Việt Nam. Với bề dày kinh nghiệm hơn 20 năm hoạt động, DHC đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường và là một trong những doanh nghiệp có đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành giấy Việt Nam.

Trong giai đoạn 2023-2030, DHC đặt ra mục tiêu phát triển bền vững, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu khu vực, với các mục tiêu cụ thể như sau:

Trong dài hạn, mục tiêu chính của Công ty là cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, từ đó có thể hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần phát triển giá trị cốt lõi của Công ty.

Tập trung mở rộng, phát triển thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước. Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.

Định hướng phát triển (tiếp theo)



Các mục tiêu phát triển bền vững

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn xác định rằng phát triển bền vững là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Trong đó, vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng là một trong những trọng tâm được Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực.

Đặc thù là doanh nghiệp sản xuất giấy, bao bì, Công ty luôn ý thức được rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh. Do đó, Công ty luôn coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tập trung đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống xử lý nước thải của DHC được thiết kế và vận hành theo tiêu chuẩn quốc gia, đảm bảo xử lý triệt để các chất ô nhiễm trong nước thải, đạt tiêu chuẩn xả thải.

Ngoài ra, DHC luôn quan tâm đến đời sống, sức khỏe và tinh thần của công nhân viên. Chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết của người lao động. Với mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân viên, công ty đã xây dựng và hoàn thành nhiều chính sách xã hội, lương, thưởng,... dành cho Cán bộ, công nhân viên tại doanh nghiệp.



Các rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro kinh tế

Chiến tranh giữa Nga – Ukraine đã khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các mặt hàng như dầu mỏ, khí đốt, lương thực,... Điều này đã dẫn đến việc giá nguyên vật liệu tăng cao, gây áp lực lên lạm phát và sức mua của người tiêu dùng. Xung đột chính trị giữa Trung Quốc – Đài Loan cũng là một mối đe dọa tiềm ẩn đối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Nếu xung đột này leo thang, có thể khiến cho việc vận chuyển hàng hóa giữa Trung Quốc và Đài Loan trở nên khó khăn hơn, gây gián đoạn cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trên toàn thế giới.

Việt Nam là quốc gia tích cực tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, khi kinh tế toàn cầu gặp khó khăn và chững lại, nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực là điều không thể tránh khỏi. Ngành bao bì, như nhiều ngành khác, cũng phải đối mặt với hàng loạt khó khăn trong bối cảnh này. Đầu tiên, suy thoái kinh tế toàn cầu bao trùm những khó khăn ngành bao bì đang phải đối mặt. Cụ thể, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), tính chung 8 tháng đầu năm 2023, IIP ước tính giảm 0,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 9,2%). Trước tình hình sản xuất công nghiệp sụt giảm, sản lượng bao bì trong nước cũng có bước đi chậm lại trong những tháng đầu năm. Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm 2023, kinh tế vĩ mô dần được ổn định, mặt bằng lãi suất được hạ thấp và lạm phát nằm trong tầm kiểm soát, Chính phủ đã có những chính sách kích cầu tiêu dùng nhằm phục hồi tổng cầu như giảm 2% thuế giá trị gia tăng.



Theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023 nhưng với xu hướng tích cực (quý I tăng 3,28%, quý II tăng 4,05%, quý III tăng 5,33%). Ngành bao bì những tháng cuối năm nay khó có thể tăng trưởng bứt phá, nhưng có thể phục hồi nhẹ khi IIP có chiều hướng đi lên kể từ giữa quý II. Nhằm thích ứng và đối mặt với các thách thức của nền kinh tế hiện tại, các doanh nghiệp bao bì nói chung và Công ty nói riêng nên ưu tiên các giải pháp như mở rộng thị trường, đa dạng nhà cung cấp nguyên vật liệu,... đồng thời dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp nhất với sức tiêu thụ sản phẩm của thị trường giấy, nâng cao quản trị rủi ro để hạn chế đưa ra chiến lược, chính sách không phù hợp cũng như giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty.



Các rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro nguyên vật liệu

Giấy OCC (Old Corrugated Container) hay giấy thùng carton cũ là nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu của DHC, chiếm hơn 70% chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Trong đó, nguồn cung chủ yếu được nhập khẩu từ Mỹ, EU, Nhật Bản. Hiện nay, giá OCC của thế giới cũng đang biến động tăng do tình trạng Biển Đỏ. Tình trạng thiếu hụt giấy OCC gây khó khăn trong công tác thu mua nguyên liệu, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, chi phí vận tải cũng là một yếu tố đáng quan tâm của các công ty sản xuất. Theo tính toán của Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam, chi phí logistics của Việt Nam trung bình ở mức 16,8%-17% GDP, cao hơn nhiều so với mức bình quân chung 10,6% của thế giới. Vì vậy, để hạn chế rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào và các chi phí liên quan, Công ty cần có những kế hoạch cụ thể về cung ứng nguyên liệu cho từng nhà máy, chủ động tìm thêm những nguồn thu mua nguyên vật liệu nước ngoài để đảm bảo việc cung ứng kịp thời khi có sự cố thiếu hụt nguyên vật liệu trong nước.



Rủi ro pháp luật

Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre hoạt động dưới hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Bảo vệ môi trường,... thông qua mô hình hoạt động là Công ty cổ phần niêm yết giao dịch trên sàn HOSE. Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các Hiệp định được ký kết giữa Việt Nam và các nước trong vấn đề hợp tác thương mại đa phương. Trong quá trình hình thành và hoạt động kinh doanh, những biến động của luật pháp sẽ tác động ít nhiều lên hoạt động và các chiến lược trung và dài hạn của Công ty. Do đó, doanh nghiệp cần phải thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin, nhằm đưa ra các mục tiêu, chiến lược kinh doanh phù hợp với pháp luật, tránh ảnh hưởng xấu đến hình ảnh doanh nghiệp.

Các rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro môi trường

Ngành sản xuất giấy và bao bì đóng góp đáng kể vào nền kinh tế, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường. Các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty đang có xu hướng chú trọng đầu tư vào hệ thống sản xuất, xử lý chất thải, khí thải ... nhằm để tăng hiệu quả kinh doanh, đồng thời đảm bảo các yếu tố về an toàn môi trường. Một trong những mục tiêu mà các doanh nghiệp đang hướng tới là “Phát triển bền vững”. Đây là mục tiêu quan trọng để thúc đẩy sự phát triển và tạo ra giá trị hơn nữa cho ngành bao bì. Là hướng đi giúp các thương hiệu tăng cường sự nhận diện và ủng hộ từ phía khách hàng, đồng thời đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.



Các rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro an toàn lao động

Do tính chất đặc thù của ngành sản xuất, phần lớn người lao động phải thực hiện các công việc nặng nhọc và làm việc trong môi trường có mật độ bụi cao, môi trường máy móc ồn ào. Từ đó cho thấy được tầm quan trọng của hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả đối người lao động. Vì vậy, đây là một trong những vấn đề luôn được ban lãnh đạo Công ty chú trọng.

Cụ thể, các thiết bị trong xưởng luôn được kiểm tra thường xuyên, đồng thời, xem xét các hồ sơ y tế của Công ty, doanh nghiệp. Trang bị cho người lao động đồ bảo vệ toàn thân khi làm việc để ngăn chặn việc ảnh hưởng của công việc đến sức khỏe. Ngoài ra, Công ty còn hướng dẫn người lao động tự đánh giá rủi ro về an toàn lao động và khảo sát về những yếu tố nguy hiểm có thể gây tổn thương, bệnh tật và làm giảm sức khỏe người lao động tại nơi làm việc nhằm đánh giá và nâng cao công tác quản trị rủi ro an toàn lao động.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro được nhắc đến ở trên, thiên tai, lũ lụt hay hỏa hoạn cũng là một trong những rủi ro khó lường có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, đặc thù của Công Ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre là một doanh nghiệp trong lĩnh vực sản giấy, các vật dụng sản xuất dễ xảy ra cháy nổ, gây thiệt hại lớn cho Công ty. Vì vậy, các doanh nghiệp ngành giấy nói chung và Công ty nói riêng cần tập huấn cán bộ công – nhân viên trong doanh nghiệp các biện pháp phòng cháy nổ, tránh để tổn thất về người và của.





02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH2023/ KH2023	TH2023/ TH2022
Tổng doanh thu	3.961.168.216.377	3.240.000.000.000	3.297.773.181.785	101,78%	83,25%
Tổng chi phí	(3.582.233.325.621)	-	(2.987.103.800.641)	-	83,39%
Lợi nhuận trước thuế	437.158.856.519	-	358.098.054.289	-	81,91%
Lợi nhuận sau thuế	379.458.584.417	300.000.000.000	309.338.388.739	103,11%	81,52%

Năm 2023 là một năm khó khăn của doanh nghiệp ngành giấy và bao bì dưới tác động của tình trạng cung vượt xa cầu, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Tình hình kinh tế diễn biến rất phức tạp, hiện tượng suy thoái kinh tế diễn ra rộng khắp, không chỉ ở tại Việt Nam mà còn xảy ra trên toàn cầu. Bên cạnh đó, tình hình chính trị trên Thế giới cũng phần nào ảnh hưởng đến việc mua bán, giá cả nguyên vật liệu và vận chuyển hàng hóa. Đây thực sự là thời gian khó khăn nhất của ngành giấy trong thời gian 10 năm trở lại đây.

Trên thực tế, ngành giấy là ngành chính phụ trợ cho việc sản xuất của hầu hết các lĩnh vực nên vừa qua khi các ngành sản xuất bị suy giảm cũng đã kéo theo sự sụt giảm trong tiêu thụ giấy.

Ngành bao bì là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất và tiêu dùng hàng hóa. Với nhiều biến động của tình hình kinh tế thế giới, đã ảnh hưởng đến nền kinh tế tại Việt Nam, trong đó có ngành bao bì. Bao bì Việt Nam đứng trước nhiều thách thức và cơ hội trong năm 2023, khó khăn của các doanh nghiệp cũng đến từ cạnh tranh giữa các đối thủ trong ngành. Điều này một phần do cầu tiêu dùng hàng hóa giảm kéo theo lượng cầu bao bì giảm, áp lực giảm chi phí của các nhà sản xuất bao bì càng tăng cao để tạo lợi thế cạnh tranh so với đối thủ.

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2022	Giá trị năm 2023	%Năm 2023/2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.935.865.493.523	3.261.255.035.745	82,86%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.138.734.067)	(2.346.494.143)	206,06%
Lãi/lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	329.362.626	1.894.842.717	575,31%
Doanh thu hoạt động tài chính	20.631.569.074	29.113.353.819	141,11%
Thu nhập khác	5.480.525.221	7.856.443.647	143,35%

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	4.561.417	5,67%
2	Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	7.015.008	8,72%
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	10.877.019	13,5%
4	Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	186.875	0,23%
5	Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	904.250	1,12%



Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Không có

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị

01 **Lương Văn Thành**
Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 12/11/1962

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 4.561.417 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1986 – 1999: Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng
- 2003 – 2012: Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2
- 2012 – 2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – 2020: : Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

02

Lê Bá Phương

Phó Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 20/11/1964

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 7.015.008 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1987 – 2012: Làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre
- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2013 – 2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

03

Nguyễn Thanh Nghĩa

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 27/11/1963

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 10.877.019 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long
- Tổng Giám Đốc Công ty CP Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1993 – 2001: Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP Hồ Chí Minh
- 2001 – 2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – 2020: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
- 2012 – 2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – 2022: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đại Thiên Lộc
- 2022 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

04

Marco Martinelli

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 11/12/1978

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 186.875 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Turicum Investment Management AG
- Thành viên Hội đồng quản trị Tim Vietnam JSC.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1998 – 1999: Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sĩ
- 2000 – 2007: Quản lý tài sản Turicum Investment Management AG
- 2007 – 2013: Quản lý quỹ T.I.M Vietnam Tiger Fund
- 2013 – 2016: Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group
- 2016 – 2018: Giám đốc Turicum Investment Management AG
- 2020 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

05

Dương Thành Công

Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 03/02/1989

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 904.250 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải

Quá trình công tác:

- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải
- 2017 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- 2022 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

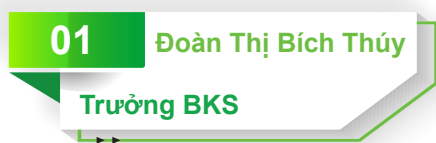
Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban kiểm soát	22.252	0,03%
2	Đoàn Hồng Lan	Kiểm soát viên	460	0%
3	Nguyễn Quốc Bình	Kiểm soát viên	798.348	0,99%

Thay đổi trong Ban Kiểm soát

Không có

Lý lịch Ban Kiểm soát



Ngày sinh: 11/05/1985

Trình độ: Cử nhân kế toán

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 22.252 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- 2005 – 2007: Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2011 – 2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2018 – Nay: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Ban Kiểm soát (tiếp theo)

02

Đoàn Hồng Lan

Thành viên BKS

Ngày sinh: 17/04/1986

Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Kiểm soát viên

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 460 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- 2006 – 2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2009 – Nay: Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2012 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

03

Nguyễn Quốc Bình

Thành viên BKS

Ngày sinh: 26/05/1977

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kiểm soát viên

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 798.348 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- 01/2007 - 09/2007: Chuyên viên Phân tích công ty Đầu tư Việt Phát
- 09/2007 - 2018: Chuyên viên đầu tư cao cấp tại công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 06/2016 - 2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 06/2022 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	7.015.008	8,72%
2	Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	4.561.417	5,67%
3	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	276.011	0,34%
4	Nguyễn Hồng Thanh	Kế toán trưởng	-	-

Thay đổi trong Ban điều hành

Không có

Lý lịch Ban điều hành

01

Lê Bá Phương

Tổng Giám đốc

02

Lương Văn Thành

Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở lý lịch Hội đồng quản trị

Vui lòng xem ở lý lịch Hội đồng quản trị



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Ban điều hành (tiếp theo)

03

Hồ Thị Song Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/02/1983

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 276.011 cổ phiếu

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác:

- 2005 – 2008: Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng KHKD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2008 – 2010: Phó Giám đốc Kinh Doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2012: Giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- Tháng 04/2020 - nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

04

Nguyễn Hồng Thanh

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 06/01/1986

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- 07/2011 – 09/2014: Kế toán thanh toán Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn
- 02/2014 – 09/2015: Kế toán viên VPDD Allergan Singapore PTE LTD tại TP.HCM
- 04/2017 – 08/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân Phối Sành Điệu
- 09/2018 – 03/2020: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sô cô la Marou
- 12/2021 – 12/2022: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 01/2023 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Tình hình cán bộ nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2023	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	564	100,00%
Trình độ trên Đại học	1	0,18%
Trình độ Đại học, Cao đẳng	187	33,16%
Trình độ Trung cấp	42	7,45%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	17	3,01%
Lao động phổ thông	317	56,21%
Theo thời hạn HĐLĐ	564	100,00%
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	3	0,53%
Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	195	34,57%
Hợp đồng không xác định thời hạn	366	64,89%
Theo giới tính	564	100,00%
Nam	496	87,94%
Nữ	68	12,06%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động	532	564	564
Thu nhập bình quân (Đồng/Người/ tháng)	12.220.000	12.001.646	11.664.553

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Chính sách đối với người lao động

Lương thưởng và đãi ngộ

Công ty luôn đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp của người lao động. Cụ thể, công ty tổ chức phát thưởng định kỳ và đột xuất cho các cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong năm hoặc có những ý tưởng mang tính đột phá. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ lao động nhằm theo dõi và hỗ trợ kịp thời cho những người lao động bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc.

Chính sách tuyển dụng

Chính sách tuyển dụng của công ty nhằm đảm bảo quy trình công bằng và minh bạch. Mục tiêu là tuyển dụng dựa trên năng lực và kinh nghiệm phù hợp với từng vị trí cụ thể. Mỗi vị trí sẽ có tiêu chí tuyển dụng riêng được xác định rõ ràng, nhằm tìm kiếm ứng viên tốt nhất cho Công ty.

Đào tạo

Công ty luôn coi trọng việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, bởi đó là nhân tố quan trọng để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp được vận hành hiệu quả và an toàn. Hằng năm, Công ty đều tổ chức các khóa đào tạo và tái đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, vận hành cầu trục, xe nâng, đào tạo ISO, 5S, sơ cấp cứu và diễn tập phòng cháy chữa cháy. Đây là cách Công ty giúp nhân viên luôn cập nhật và nắm vững các kỹ năng mới nhất, đáp ứng được yêu cầu của công việc và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công ty cam kết đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo và phát triển nhân viên, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Chính sách đối với người lao động (tiếp theo)

Môi trường làm việc

Công ty sắp xếp thời gian làm việc hợp lý, đảm bảo quyền lợi về lương thưởng, các chính sách xã hội cho người lao động với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và chuyên nghiệp, như ngôi nhà thứ hai của người lao động. Đặc biệt, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động giải trí và đoàn thể, như một món quà tinh thần giúp người lao động giải tỏa căng thẳng và gắn kết với công ty hơn.



Chính sách an toàn bảo vệ lao động

Công ty không chỉ chú trọng đầu tư vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, mà còn quan tâm đến việc bảo đảm an toàn và sức khỏe cho nhân viên trong quá trình làm việc. Để đảm bảo an toàn cho nhân viên, Công ty đã cấp đồng phục và bảo hộ lao động phù hợp với vị trí công việc. Đồng phục và bảo hộ lao động giúp nhân viên đảm bảo tính an toàn và chuyên nghiệp trong công việc. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các lớp đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, diễn tập phòng cháy chữa cháy cho nhân viên. Các khóa đào tạo này giúp nhân viên nâng cao ý thức an toàn lao động, biết cách xử lý khi gặp tình huống khẩn cấp, đảm bảo an toàn cho bản thân, đồng nghiệp và doanh nghiệp. Công ty cam kết sẽ tiếp tục đầu tư vào các hoạt động bảo đảm an toàn và sức khỏe cho nhân viên, nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Dự án Nhà máy giấy - Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Nhà máy Giấy
2	Tổng vốn đầu tư của dự án	1.800.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một ngàn tám trăm tỷ đồng)
3	Địa điểm thực hiện dự án	Lô CN08, CN09, CN10, CN12, CN13 - Cụm Công nghiệp Long Phước, huyện Châu Thành, Bến Tre



Dự án Điện Mặt Trời

Vào ngày 17/7/2023, Dự án Điện Mặt Trời vừa được khởi công tại Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre. Tại dự án, Công ty TNHH Ecoligo sẽ chịu trách nhiệm với vai trò Nhà đầu tư trong suốt thời gian hợp tác và đơn vị tổng thầu là Công ty TNHH Thương Mại Ngân Long, doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực lắp đặt năng lượng mặt trời. Tổng công suất của dự án là 3.373 KWP. Sự kiện khởi công cho thấy tâm huyết, tinh thần trách nhiệm cao, quyết tâm đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành công trình đúng thời gian dự kiến của tất cả các đơn vị hợp tác. Đông Hải hy vọng dự án này sẽ góp phần tiết kiệm điện năng, đáp ứng tiêu chí sản xuất xanh, bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp và ứng phó với biến đổi của khí hậu, đồng thời đón kịp xu hướng sử dụng năng lượng sạch – năng lượng tái tạo hiện nay trên toàn cầu.

Điện mặt trời áp mái là loại hình mang nhiều lợi ích vượt trội giúp tiết kiệm không gian, tăng cường chống nóng hiệu quả cho mái nhà xưởng, tiết kiệm chi phí điện hàng tháng và đặc biệt chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mô hình sản xuất “xanh” giúp doanh nghiệp phát triển bền vững chính là điều Đông Hải luôn hướng đến và nỗ lực hết mình.

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre: Công ty đi vào hoạt động chính thức từ tháng 04/2022. Tổng doanh thu đạt được trong năm là 236,16 tỷ đồng. Nhà máy hoạt động ổn định, phấn đấu mở rộng thị trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Công ty Cổ phần Giấy Giao Long: Hiện tại Công ty đang triển khai thực hiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý, lập dự án Nhà máy giấy theo như tiến độ đã đề ra.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long: Trong năm 2023, hoạt động của công ty tương đối ổn định. Tổng doanh thu đạt được trong năm trên 61 tỷ đồng. Công ty đang đẩy mạnh phát triển thị trường ở Bến Tre cũng như các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long và tuyến vận tải đường thủy kết nối ra đời và vận hành thường xuyên sẽ làm giảm áp lực tắc nghẽn giao thông đường bộ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng, tạo sự khác biệt với phương thức truyền thống.



Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	2.882.483.173.364	2.915.097.525.252	101,13%
Doanh thu thuần	3.934.726.759.456	3.258.908.541.602	82,82%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	432.349.018.066	350.550.348.467	81,08%
Lợi nhuận khác	4.809.838.453	7.547.705.822	156,92%
Lợi nhuận trước thuế	437.158.856.519	358.098.054.289	81,91%
Lợi nhuận sau thuế	379.458.584.417	309.338.388.739	81,52%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20%	66,67%

Tình hình tài chính

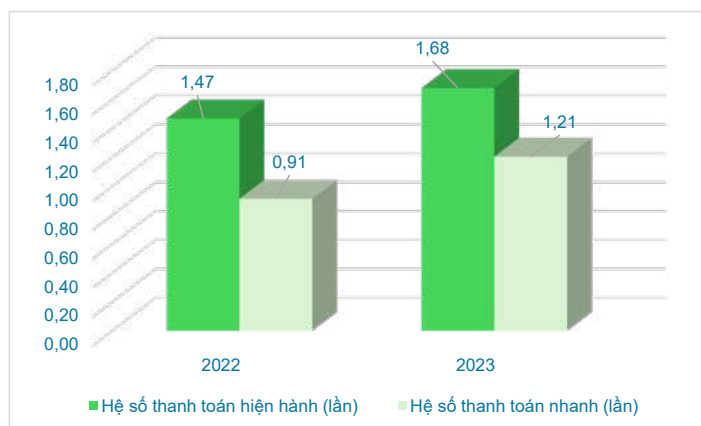
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,47	1,68
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	1,21
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	39,24%	36,47%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	64,59%	57,41%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,01	4,86
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,49	1,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,64%	9,49%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	21,67%	16,70%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,16%	10,61%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	10,99%	10,76%

Tình hình tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2023 đạt sự tăng trưởng, với Hệ số thanh toán hiện hành tăng đạt 1,68 lần (so với mức 1,47 lần vào năm 2022), Hệ số thanh toán nhanh đạt 1,21 lần (so với mức 0,91 lần vào năm 2022). Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn của Công ty giảm, chủ yếu là ở khoản phải trả người bán cùng khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Cả hai chỉ số khả năng thanh toán đều đạt mức hơn 1 trong năm 2023, điều này không chỉ chứng minh khả năng của công ty trong việc đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn mà còn phản ánh một chiến lược quản lý tài chính linh hoạt và hiệu quả. Việc giảm nợ ngắn hạn cho thấy tiềm lực tài chính của Công ty, cùng chủ trương duy trì tài chính ổn định và tối ưu hóa cấu trúc vốn.

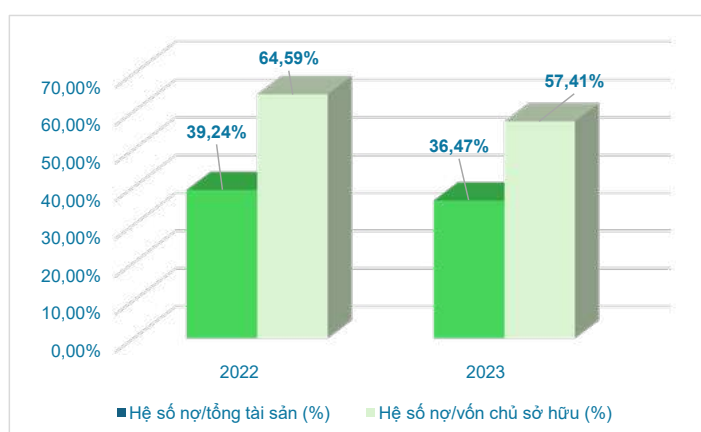


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Với việc giảm các khoản nợ ngắn hạn, giúp cho tổng nợ phải trả của Công ty giảm. Từ đó, các hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu trong năm 2023 giảm so với năm 2022. Cụ thể, trong năm 2023, hệ số nợ/tổng tài sản đạt 36,47% (giảm so với tỷ lệ 39,24% năm 2022), hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 57,41% (giảm so với tỷ lệ 64,59% năm 2022).

Trong tình hình kinh tế khó khăn và biến động, việc cơ cấu lại nguồn vốn là một biện pháp tốt để đảm

bảo an toàn tài chính cho Công ty. Ngoài ra, việc tập trung thanh toán các khoản công nợ phải trả người bán thể hiện khả năng thanh toán tốt và nâng cao uy tín của Công ty đối với các đối tác cung cấp đầu vào.



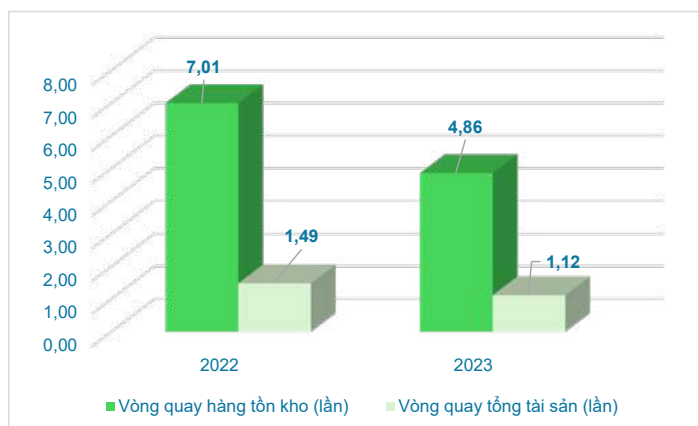
Tình hình tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2023, nhìn chung, nhu cầu tiêu thụ ngành giấy giảm, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị không ít ảnh hưởng, doanh thu thuần cũng như giá vốn hàng bán của Công ty trong năm 2023 có sụt giảm so với cùng kỳ. Từ đó, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản của Công ty biến động và có xu hướng giảm.

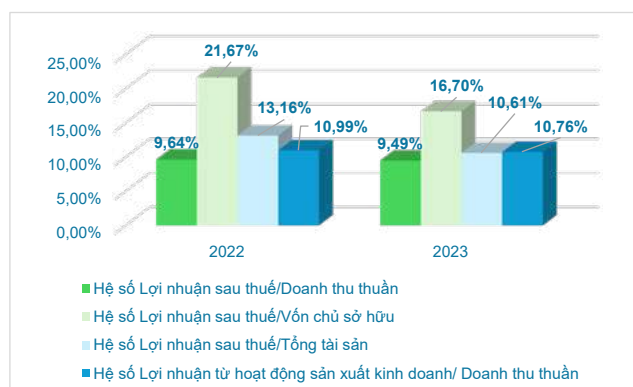
Với tình hình biến động như trên, việc quản lý hàng tồn kho là vấn đề mà Công ty chú trọng hàng đầu,

khi luôn cố gắng đưa ra mức dự trữ hàng tồn kho thích hợp, để vừa tối ưu hóa các nguồn lực, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất của Công ty.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty năm 2023 giảm nhẹ so với năm 2022, do tình hình khó khăn chung của ngành giấy. Cụ thể các chỉ tiêu đạt được như sau: hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 9,49%; hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 16,70%, đạt hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân đạt 10,61%, đạt hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ doanh thu thuần đạt 10,76%.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin về cổ phiếu

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán : **DHC**



Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Tổng số cổ phần đã phát hành: 80.493.048 cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 80.493.048 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có



Danh sách cổ đông lớn

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Lương Văn Thành	4.561.417	5,67%
2	Lê Bá Phương	7.015.008	8,72%
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	10.877.019	13,51%
4	Nguyễn Thị Thủy	5.491.248	6,82%
5	KWE BETEILIGUNGEN AG	11.885.488	14,77%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	5	39.830.180	398.301.800.000	49,48%
1	Trong nước	4	27.944.692	279.446.920.000	34,72%
2	Nước ngoài	1	11.885.488	118.854.880.000	14,77%
III	Cổ đông khác	4.009	40.662.868	406.628.680.000	50,52%
1	Trong nước	3.847	24.407.642	244.076.420.000	30,32%
2	Nước ngoài	162	16.255.226	162.552.260.000	20,19%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		4.014	80.493.048	804.930.480.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng)
2017	344.597.690.000
2018	413.515.490.000
2019	559.957.830.000
2020	559.957.830.000
2021	699.944.230.000
2022	699.944.230.000
2023	804.930.480.000

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2023

Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2023

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động lên môi trường

Trong bối cảnh ngày càng nhiều quan tâm đến việc bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp trong ngành giấy đứng trước nhiều thách thức lớn trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến thiên nhiên và cộng đồng xung quanh. Với quy mô sản xuất lớn, Công ty không những chuyển hướng tới các phương pháp sản xuất bền vững hơn mà còn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách hiệu quả. Điều này bao gồm việc lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định mới nhất và đầu tư vào hệ thống xử lý rác thải khép kín hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế, xử lý toàn bộ lượng rác thải phát sinh từ sản xuất. Công ty đã ký kết các hợp đồng xử lý rác và chất thải với bên thứ ba chuyên xử lý những rác thải sinh hoạt như Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Bến Tre, đơn vị thu gom rác thải nguy hại như Công ty TNHH Môi trường Chân Lý,... Đồng thời, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế là 4.900 m³ /ngày và đêm.

Để tiếp nối những nỗ lực đã được thực hiện, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách hiệu quả. Điều này không chỉ cần thiết để đảm bảo an toàn môi trường trong điều kiện sản xuất ngày càng được cải tiến mà còn là một yếu tố quan trọng để tăng cường sự tin cậy và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Việc triển khai các chiến lược phòng ngừa sự cố cụ thể và kịp thời sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh, đồng thời, xây dựng các kế hoạch ứng phó sẵn sàng hoạt động hiệu quả trong trường hợp các tình huống khẩn cấp xảy ra.

Cụ thể, Công ty đã lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định trong Nghị Định 08/2022/NĐ-CP và gửi Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp tỉnh Bến Tre:

Đối với sự cố cháy nổ

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy (“PCCC”) đúng theo luật và tuân thủ các tiêu chuẩn TCVN 2622-1995, TCVN 5760-1993, TCVN 5738-1993. Hệ thống PCCC bao gồm bình khí CO₂ và bình bột chữa cháy được bố trí tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ. Ngoài ra, nhà máy cũng được trang bị các tủ chữa thiết bị chữa cháy và hệ thống báo cháy tại các khu sản xuất và nhà kho cùng với một hồ chứa nước dung tích 2.500m³ cũng đã được xây dựng để phục vụ cho việc chữa cháy.

Để nâng cao năng lực ứng phó, công ty đã thành lập đội PCCC chuyên ngành và đội PCCC cơ sở, đào tạo và huấn luyện định kỳ, cùng với tổ chức diễn tập PCCC hàng năm. Các biện pháp an toàn khác bao gồm cấm hút thuốc và mang bật lửa trong khu vực nhà máy, và tất cả các đơn vị thầu bên ngoài phải ký cam kết nội quy an toàn khi làm việc tại công ty. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công ty đã có kế hoạch ứng phó phân cấp dựa vào mức độ nguy hiểm của sự cố, kết hợp phối hợp với lực lượng PCCC địa phương và các công ty trong khu công nghiệp để xử lý hiệu quả.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Tác động lên môi trường (tiếp theo)

Đối với hệ thống chống sét

Hệ thống chống sét đã được lắp đặt tại các vị trí cao trong khu vực các nhà máy để bảo vệ an toàn cho hoạt động sản xuất. Hệ thống này bao gồm các trụ thu sét và thu tĩnh điện, cùng với việc áp dụng các công nghệ mới trong cải tiến hệ thống chống sét. Điện trở tiếp đất của hệ thống được thiết kế sao cho phù hợp với điện trở suất của đất, đảm bảo điện trở xung kích ở mức dưới 10Ω khi điện trở của đất dưới $50.000Q/cm^2$ và trên 100 khi điện trở suất của đất vượt qua $50.000Q/cm^2$. Hệ thống chống sét định vị các trụ cao từ 10 - 14 mét để bảo vệ toàn diện cho nhà máy. Ngoài ra, hệ thống được kiểm định định kỳ hàng năm bởi đơn vị có chức năng để đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn, nhất là trong điều kiện mưa bão và sấm sét.

Đối với việc Phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu

Để đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả của các kho chứa nguyên liệu và phương tiện vận tải, công ty đã áp dụng các biện pháp phòng chống rò rỉ nguyên nhiên liệu chi tiết như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa và phương tiện vận tải.
- Đảm bảo hệ thống kho chứa nguyên liệu và sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật và an toàn.
- Thực hiện quy định kỹ thuật và an toàn nghiêm ngặt trong quá trình nhập xuất nhiên liệu.
- Khi xảy ra rò rỉ, nhanh chóng xác định nguyên nhân và vị trí, ngưng hoạt động liên quan và báo cáo các đơn vị chức năng để khắc phục.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Tác động lên môi trường (tiếp theo)

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Nhằm giảm thiểu và xử lý hiệu quả các sự cố rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất, công ty đã triển khai một loạt biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất cụ thể:

- Sắp xếp hóa chất gọn gàng, đảm bảo bao bì kín, không xếp chồng quá cao.
- Kiểm tra định kỳ tình trạng hóa chất trong kho.
- Kiểm tra bao bì và phuy can chứa hóa chất trong quá trình nhập hàng để phòng tránh rò rỉ.
- Sử dụng thiết bị không phát lửa và hệ thống thông gió tốt trong kho chứa hóa chất.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho trường hợp hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) vận hành không hiệu quả

Để đối phó với những trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đạt hiệu quả, công ty đã thiết kế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó như sau, nhằm đảm bảo quá trình xử lý nước thải luôn duy trì ở mức tối ưu:

- Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho lưu lượng cao nhất.
- Theo dõi và kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải đầu vào và ra.
- Chuẩn bị hệ thống thoát nước mưa riêng để phòng ngừa lưu lượng tăng do mưa lớn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc và bể xử lý.
- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình, bảo trì thường xuyên thiết bị.
- Đào tạo cán bộ vận hành về quy trình và an toàn vận hành hệ thống.
- Lưu trữ nước thải tại bể sự cố và giảm sản lượng sản xuất nếu hệ thống xử lý không đạt hiệu quả.
- Thường xuyên làm sạch đường ống và kiểm tra mực nước trong bồn chứa.
- Chuẩn bị các thiết bị động lực dự phòng và bố trí nhân viên giám sát để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Nếu cả hệ thống gặp sự cố, lưu chứa nước thải trong hồ sự cố và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xin hướng dẫn khắc phục.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Quản lý nguồn nguyên liệu là hoạt động quan trọng đối với mọi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất giấy. Nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là các loại giấy phế liệu, là loại giấy thùng carton cũ đã qua sử dụng được nhập khẩu từ Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, hoặc được thu gom trong nước. Việc tận dụng và tái chế rác thải đã qua sử dụng là một hoạt động quan trọng góp phần bảo vệ môi trường của Công ty. Khi rác thải được tái chế, sẽ được sử dụng để tạo ra các sản phẩm mới, thay thế cho việc sử dụng nguyên liệu mới. Điều này giúp giảm thiểu lượng rác thải phải chôn lấp hoặc đốt, đồng thời giảm thiểu việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Tiêu thụ năng lượng

Tại Việt Nam, tiêu thụ năng lượng trong ngành sản xuất giấy vẫn còn khá cao. Theo thống kê của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam (VPPA), chi phí năng lượng trong sản xuất giấy và bột giấy chiếm đến 20-30% chi phí sản xuất. Do vậy, việc giảm thiểu tiêu thụ năng lượng là một trong những vấn đề quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất giấy tại Việt Nam. Đối với Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre, trong năm 2023 dự án Điện Mặt Trời đã được khởi công. Đông Hải hy vọng dự án này sẽ góp phần tiết kiệm điện năng, đáp ứng tiêu chí sản xuất xanh, bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp và ứng phó với biến đổi của khí hậu, đồng thời đón kịp xu hướng sử dụng năng lượng sạch – năng lượng tái tạo hiện nay trên toàn cầu.

Tiêu thụ nước

Nước là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất giấy, do đó Công ty luôn chú trọng đến việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước. DHC đã đầu tư hệ thống tái chế nước thải khép kín, hiện đại, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Hệ thống này đã được đánh giá đạt tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng nước thải sau xử lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố rò rỉ nước. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được đáng kể lượng nước thất thoát. Những nỗ lực của Công ty trong việc sử dụng và bảo vệ nguồn nước đã góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Đối với DHC, nhân lực là một trong những yếu tố chủ chốt của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, luôn luôn phối hợp với công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Đồng thời, chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất, xây dựng các chính sách về lương thưởng, bảo hộ lao động theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể, khối Hành chính nhân sự cùng tổ chức Công Đoàn kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp “Mái ấm Đông Hải”, tặng quà tết nguyên đán cho toàn thể CBCNV công ty,.. với tổng số tiền trên 1 tỷ đồng.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2023, Công ty đã thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động hỗ trợ quà cho các gia đình chính sách trên địa bàn xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nhân dịp tết Nguyên Đán, tết Trung Thu, hỗ trợ làm đường cho người dân,... với tổng số tiền trên 550 triệu đồng.





03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình chung

Năm 2023 là một năm khó khăn của doanh nghiệp ngành giấy và bao bì dưới tác động của tình trạng cung vượt xa cầu, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh. Tình hình kinh tế diễn biến rất phức tạp, hiện tượng suy thoái kinh tế diễn ra rộng khắp, không chỉ ở tại Việt Nam mà còn xảy ra trên toàn cầu. Bên cạnh đó, tình hình chính trị trên Thế giới cũng phần nào ảnh hưởng đến việc mua bán, giá cả nguyên vật liệu và vận chuyển hàng hóa. Đây thực sự là thời gian khó khăn nhất của ngành giấy trong thời gian 10 năm trở lại đây.

Trên thực tế, ngành giấy là ngành chính phụ trợ cho việc sản xuất của hầu hết các lĩnh vực nên vừa qua khi các ngành sản xuất bị suy giảm cũng đã kéo theo sự sụt giảm trong tiêu thụ giấy.

Ngành bao bì là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất và tiêu dùng hàng hóa. Với nhiều biến động của tình hình kinh tế thế giới, đã ảnh hưởng đến nền kinh tế tại Việt Nam, trong đó có ngành bao bì. Bao bì Việt Nam đứng trước nhiều thách thức và cơ hội trong năm 2023, khó khăn của các doanh nghiệp cũng đến từ cạnh tranh giữa các đối thủ trong ngành. Điều này một phần do cầu tiêu dùng hàng hóa giảm kéo theo lượng cầu bao bì giảm, áp lực giảm chi phí của các nhà sản xuất bao bì càng tăng cao để tạo lợi thế cạnh tranh so với đối thủ.

Hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường, sử dụng bao bì giấy nói chung và các sản phẩm dễ dàng tái chế có chất liệu từ giấy nói riêng sẽ thay thế rác thải nhựa và túi nilon đang phát triển và được khuyến khích thực hiện. Do đó, Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre được kỳ vọng sẽ phát triển hơn nữa trong năm 2024 và các năm sau đó.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh trong năm

- Tình hình năm 2023 diễn biến vô cùng phức tạp và đầy khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và với ngành giấy, bao bì nói riêng. Hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty cũng có nhiều ảnh hưởng lớn, cụ thể:
- Về giấy cuộn: Bộ phận kinh doanh đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng, phát triển đơn hàng để duy trì máy móc hoạt động liên tục, ổn định thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của tình hình thị trường, giá giấy trong nước giảm liên tục dẫn đến doanh thu giảm mạnh.
- Về bao bì: Trong năm 2023, bán hàng bao bì phát triển nhiều khách hàng mới, sản lượng đơn hàng có tăng trưởng ở 6 tháng cuối năm 2023, do bán hàng đã bán được một số khách hàng lớn: sản xuất bánh kẹo, hàng tiêu dùng, thực phẩm, đồ hộp có sự ổn định và tăng trưởng cuối năm, ngược lại nhóm ngành thủy sản khó khăn, xuất khẩu giảm,... dẫn đến sản lượng đơn hàng giảm, đơn giá bán cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành để lấy đơn hàng cho nhà máy sản xuất dẫn đến hiệu quả không cao.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên và sự ủng hộ của khách hàng, Công ty đã phấn đấu đạt một số kế hoạch đề ra.

Trong năm 2023, Công ty đã góp vốn thêm 30 tỷ đồng vào Công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre, mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long với tổng số tiền là 79,968 tỷ đồng.



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Tài sản ngắn hạn	1.662.756.369.635	57,68%	1.785.334.756.725	61,24%	107,37%
Tài sản dài hạn	1.219.726.803.729	42,32%	1.129.762.768.527	38,76%	92,62%
Tổng tài sản	2.882.483.173.364	100,00%	2.915.097.525.252	100,00%	101,13%

Tại ngày 31/12/2023, Tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ 1,13% so với cùng kỳ năm 2022, đạt mức hơn 2.915 tỷ đồng, chủ yếu là các tài sản ngắn hạn, chiếm 61,24% cơ cấu tổng tài sản của Công ty.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 của Công ty tăng 7,37% so với cùng kỳ năm 2022, đạt mức 1.785 tỷ đồng. Trong đó các khoản như tiền và khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm cuối kỳ năm 2023 đạt mức tăng so cuối kỳ năm 2022 lần lượt là 30,69% và 14,36%, khoản tiền gửi tại ngân hàng cũng đạt mức tăng đáng kể. Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 giảm 19,80% so với cùng kỳ, nằm trong kế hoạch dự trữ hàng tồn kho trong giai đoạn nhu cầu tiêu thụ của ngành giảm. Tuy nhiên, mức hàng tồn kho này vẫn đảm bảo các hoạt động sản xuất được diễn ra liên tục, không gặp gián đoạn.

Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2023 giảm 7,38% so với cùng kỳ năm 2022, đạt hơn 1.129 tỷ đồng. Trong cơ cấu tài sản dài hạn thì các tài sản cố định như nhà máy và các máy móc thiết bị phục vụ cho việc sản xuất chiếm tỷ trọng cao. Sự giảm giá trị chủ yếu gắn liền với chi phí khấu hao của các tài sản cố định hữu hình và việc thanh lý các tài sản cố định hữu hình là không đáng kể.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Nợ ngắn hạn	1.131.127.570.739	100,00%	1.062.496.403.155	99,93%	93,93%
Nợ dài hạn	-	-	696.922.421	0,07%	-
Tổng nợ phải trả	1.131.127.570.739	100,00%	1.063.193.325.576	100,00%	93,99%

Tại ngày 31/12/2023, Tổng nợ phải trả của Công ty giảm 6,01% so với cùng kỳ năm 2022, đạt mức hơn 1.063 tỷ đồng, chủ yếu là khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và khoản phải trả người bán. Công ty không có các khoản nợ dài hạn tại ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn ngân hàng luôn có chủ trương cân đối nguồn tiền về để tắt toán.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Những tiến bộ đã đạt được

Năm 2023, Công ty xuất sắc được vinh danh là Doanh nghiệp đóng góp tích cực cho các chương trình của tỉnh năm 2023 do UBND tỉnh Bến Tre trao tặng, Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất do Forbes Việt Nam trao tặng.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục thực hiện những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý để phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Quản trị tài chính – Kế toán

Sử dụng phần mềm kế toán Southsoft, kết nối dữ liệu với các bộ phận sản xuất, kinh doanh, nhân sự. Liên tục nâng cấp, tùy chỉnh phần mềm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Quản trị quan hệ khách hàng

Mỗi nhân viên bán hàng phụ trách một nhóm khách hàng của riêng mình, để theo dõi chăm sóc khách hàng được tốt nhất.

Quản trị nhân sự

Cập nhật, theo dõi nhân sự theo Danh sách nhân sự, sổ nhật ký người lao động bằng các chương trình hiện đại để cập nhật nhanh, kịp thời khi có thay đổi xảy ra.

Quản trị quan hệ chất lượng

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Quy trình theo Sơ đồ kiểm soát quá trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm Giấy công nghiệp, Giấy carton, Thùng carton.
- Hiệu quả: Sản phẩm đạt chất lượng khách hàng yêu cầu, không bị phản hồi khách hàng.
- Kế hoạch cải tiến: thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị để sản phẩm đạt chất lượng như yêu cầu.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Sản lượng sản xuất	Sản lượng sản xuất	Sản lượng tiêu thụ	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)
1	Nhà máy Giao Long – PM1 (tấn)	63.000	58.000	500	
2	Nhà máy Giao Long – PM2 (tấn)	240.000	228.000	2.175	290
3	Nhà máy Bao bì (sản phẩm)	39.000.000	39.000.000	325	
4	Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre (sản phẩm)	33.000.000	33.000.000	279	10
6	Tổng doanh thu		3.279 tỷ đồng		
7	Lợi nhuận sau thuế		300 tỷ đồng		

Giải pháp thị trường, khách hàng tiêu thụ và cung ứng

Đối với giấy

- Tiếp tục tìm kiếm và khai thác khách hàng mới. Bán hàng gắn liền với thu hồi công nợ, không làm phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.
- Tăng cường phát triển thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tuyển dụng bổ sung 02 nhân sự bán hàng (biết Tiếng Anh/tiếng Hoa)
- Lập văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đối với bao bì

- Tăng cường khai thác và đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ các ngành hàng: thủy sản, sản xuất chế biến từ dừa, rau quả trái cây, thiết bị may mặc điện tử,... của các khách hàng ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.
- Phối hợp cùng với nhà máy thường xuyên trao đổi, chia sẻ nhu cầu, chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt yêu cầu khách hàng.
- Bán hàng kết hợp với thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi.
- Tuyển dụng bổ sung 05 nhân sự bán hàng.

Đối với cung ứng

- Tập trung công tác thu mua giấy phế liệu, các nguyên liệu cho Nhà máy, đảm bảo hoạt động ổn định, kết hợp với nhà máy để mua nguyên liệu giấy phù hợp.
- Nắm bắt thông tin thị trường của các nguyên liệu để có sự chủ động và mua hàng với giá cả hợp lý.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Ban Tổng Giám đốc ghi nhận những nỗ lực của công ty trong việc xử lý chất phát thải, tuân thủ chủ trương chung. Chúng tôi ghi nhận môi trường tại các nhà máy và khu vực lân cận luôn được đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Hoạt động kinh doanh của công ty không ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương.

Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng môi trường ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao công tác bảo vệ môi trường của công ty trong thời gian qua.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của công ty trong việc thực hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương. Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình và tổ chức gặp khó khăn đã góp phần xây dựng hình ảnh đẹp của công ty, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân tương ái, san sẻ những khó khăn với cộng đồng.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc ghi nhận những nỗ lực của công ty trong việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho người lao động. Công ty đã thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ và tạo điều kiện làm việc tối ưu cho cán bộ nhân viên.

Hoạt động tuyển dụng được thực hiện hiệu quả, đảm bảo tuyển dụng đúng người, đúng việc. Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao kiến thức và kỹ năng cho người lao động, đáp ứng yêu cầu công việc và phát triển năng lực bản thân.

Về quyền lợi người lao động, công ty thực hiện đầy đủ các chế độ lương, thưởng, bảo hiểm, nghỉ phép theo quy định của pháp luật. Các chế độ phúc lợi khác như hỗ trợ ăn trưa, đi lại, sinh hoạt cũng được quan tâm, góp phần nâng cao đời sống của người lao động.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao công tác quản lý và chăm sóc người lao động của công ty trong thời gian qua



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023 với nhiều biến động và khó khăn chung trên thế giới và cả Việt Nam, Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của công ty trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất đề ra, đảm bảo an toàn lao động trong và sau giai đoạn dịch bệnh.

Hội đồng quản trị đánh giá cao khả năng thích ứng và linh hoạt của công ty trong việc xây dựng kế hoạch quản lý, sản xuất và dự báo thị trường. Công ty đã thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi và thu nhập cho cán bộ nhân viên.

Công ty cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội, tổ chức thu gom và xử lý rác thải hợp quy định, góp phần bảo vệ môi trường. Các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được triển khai hiệu quả, mang lại hình ảnh đẹp cho công ty.

Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh và quản trị phù hợp. Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông và các sự kiện quan trọng khác được thực hiện chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.



Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Hội đồng quản trị nhận định rằng Ban Tổng Giám đốc hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra cho năm 2023. Chúng tôi ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và tập thể người lao động trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và trong nước gặp nhiều khó khăn. Những biến động từ các nền kinh tế lớn, cùng với những thách thức của thị trường nội địa đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của công ty.

Bên cạnh việc nỗ lực cải thiện tình hình kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến tiêu thụ năng lượng, chính sách người lao động, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

01

Hội đồng quản trị cam kết thực hiện công tác quản trị công ty một cách nghiêm túc và tuân thủ các quy định hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Hội đồng quản trị luôn hành động vì lợi ích chung của công ty và cổ đông, đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

02

Hội đồng quản trị luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, hướng đến sự minh bạch và hiệu quả. Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát một cách chặt chẽ hơn. Việc đánh giá này nhằm mục đích nâng cao vai trò và trách nhiệm của các thành viên, góp phần thúc đẩy hoạt động của công ty phát triển một cách bền vững.

03

Hội đồng quản trị tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

04

Hội đồng quản trị đóng vai trò lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Đồng thời luôn cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.



Quản trị Công ty

05

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị



Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, qui chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông và HĐQT đề ra. Năm 2023 các mặt hoạt động công ty duy trì phát triển ổn định.



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lương Văn Thành	10	10/10	-
2	Lê Bá Phương	10	10/10	-
3	Nguyễn Thanh Nghĩa	10	10/10	-
4	Marco Martinelli	10	10/10	-
5	Dương Thành Công	10	10/10	-



Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Công ty đã ban hành và thông qua **27 Nghị quyết, Quyết định**

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ-HĐQT	09/01/2023	Thống nhất sửa đổi điều lệ, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với HOSE	100%
02	02/NQ-HĐQT	09/01/2023	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2022 và mục tiêu kế hoạch quý 1/2023	100%
03	03/NQ-HĐQT	09/01/2023	Thống nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2023 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2022.	100%
04	04/NQ-HĐQT	03/03/2023	Thống nhất thông qua việc góp thêm vốn vào công ty con – Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	100%
05	05/NQ-HĐQT	03/03/2023	Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2023 chậm nhất là ngày 30/06/2023.	100%
06	06/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2023 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2023.	100%
07	07/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.	100%
08	08/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.	100%
09	09/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	100%
10	10/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2023-2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	100%
11	11/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất về hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	100%
12	12/NQ-HĐQT	25/04/2023	Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	100%
13	13/NQ-HĐQT	22/05/2023	Thống nhất chọn nhà cung cấp thiết bị hệ thống phân tán nhiệt cho Nhà máy	100%
14	14/NQ-HĐQT	22/05/2023	Thống nhất thông qua việc mua thêm cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	100%
15	15/NQ-HĐQT	29/05/2023	Thống nhất thông qua việc mua thêm cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	100%

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	16/NQ-HĐQT	29/05/2023	Thông nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023	100%
17	17/NQ-HĐQT	15/06/2023	Thông nhất về việc bổ sung nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
18	18/NQ-HĐQT	26/06/2023	Thông nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	100%
19	19/NQ-HĐQT	28/07/2023	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2023 và mục tiêu kế hoạch quý 3/2023.	100%
20	20/NQ-HĐQT	28/07/2023	Thông nhất chi cổ tức đợt cuối năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.	100%
21	21/NQ-HĐQT	30/10/2023	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/2023 và mục tiêu kế hoạch quý 4/2023.	100%
22	22/NQ-HĐQT	30/10/2023	Thông nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền cho cổ đông.	100%
23	23/NQ-HĐQT	30/10/2023	Thông nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng Cathay United Bank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100%
24	24/NQ-HĐQT	29/12/2023	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	100%
25	25/NQ-HĐQT	29/12/2023	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.	100%
26	26/NQ-HĐQT	29/12/2023	Thông nhất thông qua chủ trương tiếp tục thực hiện hợp đồng số 12_DHC_THANHCONG2018 giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty CP Dịch vụ Năng Lượng Thành Công	100%
27	27/NQ-HĐQT	29/12/2023	Thông nhất bổ nhiệm Bà Nguyễn Hồng Thanh là Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/01/2024.	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Đối với cổ đông, BKS thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh

BKS đã trao đổi và thống nhất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác về nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và luôn nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

Tham gia kiểm kê tồn kho năm 2023, kiểm kê TSCĐ, tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Năm 2023, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Hoạt động của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	03	03/03	100%	-
02	Bà Đoàn Hồng Lan	03	03/03	100%	-
03	Ông Nguyễn Quốc Bình	03	03/03	100%	-

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tên	Chức vụ	Thu nhập (Đồng)
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.323.942.484
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.697.538.898
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	99.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	99.000.000
ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	99.000.000
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	58.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	188.786.815
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	43.500.000
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.215.065.211

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Số hữu đầu kỳ		Số hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	KWE BETEILIGUNGEN AG	Cổ đông lớn	10.335.207	14,77%	11.885.488	14,77%	Cổ tức
02	Lương Văn Thành	CT. HĐQT/ Phó TGĐ	3.966.450	5,67%	4.561.417	5,67%	Cổ tức
03	Lê Bá Phương	PCT. HĐQT/ TGĐ	6.100.009	8,71%	7.015.008	8,71%	Cổ tức
04	Nguyễn Thị Thủy	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	4.774.999	6,82%	5.491.248	6,82%	Cổ tức
05	Lê Bá Hùng	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	111.600	0,16%	429.740	0,53%	Cổ tức/ Mua
06	Trương Văn Bình	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	40.125	0,057%	46.143	0,057%	Cổ tức
07	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	6.689.083	9,56%	10.877.019	13,51%	Cổ tức/ Mua
08	Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	395.000	0,56%	904.250	1,12%	Cổ tức/ Mua
09	Dương Thanh Sang	Người có liên quan của ông Dương Thành Công	670.000	0,95%	770.500	0,96%	Cổ tức/ Mua
10	Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	162.500	0,23%	186.875	0,23%	Cổ tức
11	Turicum Investment Management AG	Tổ chức có liên quan của ông Marco Martinelli	0	0	370.000	0,46%	Mua
12	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	19.350	0,03%	22.252	0,028%	Cổ tức
13	Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	400	0,00%	460	0,00%	Cổ tức
14	Lê Minh Thanh	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	24.750	0,04%	24.462	0,03%	Cổ tức/ Bán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ (tiếp theo)

STT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Số hữu đầu kỳ		Số hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
15	Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	701.868	1%	798.348	0,99%	Cổ tức/ Bán
16	Ngô Thị Thu Hòa	Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Bình	99.000	0,14%	113.850	0,14%	Cổ tức
17	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	440.010	0,63%	276.011	0,34%	Cổ tức/ Bán
18	Hồ Phương Hải	Người có liên quan của bà Hồ Thị Song Ngọc	13.800	0,02%	7.070	0,02%	Cổ tức/ Bán
19	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ	1.700	0%	4.355	0,0054%	Cổ tức/ Mua
20	Nguyễn Trường Thịnh	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Ngọc Sương	41.450	0,06%	87.700	0,11%	Cổ tức/ Mua
21	Bùi Thị Ngọc Diễm	Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ	5.075	0,01%	1.000	0,0043%	Cổ tức/ Bán
22	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	Người phụ trách quản trị	20.350	0,02%	22.402	0,029%	Cổ tức/ Bán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

STT	Tên Tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số nghị quyết/ quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Công ty CP Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	1300990134 12/08/2015 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Số 126, Ấp Long Thạnh, Giao Long, Châu Thành, Bến Tre	Năm 2023	44/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022	Mua dịch vụ: 39.033.607.640 đồng Thuê bãi: 7.025.000.000 đồng
02	Công ty TNHH MTV BB Bến Tre	Công ty con	1301091115 28/04/2020 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô AIV-8, AIV-9, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	Năm 2023	43/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 04/NQ-HĐQT ngày 03/03/2023	Bán giấy cuộn: 60.392.428.192 đồng Mua giấy vụn + ống lõi, màng PE: 14.187.622.897 đồng Góp vốn: 30.000.000.000 đồng
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công	1301033794 13/07/2017 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô DN, KCN Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	Năm 2023	45/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022	Mua hơi: 288.317.274.000 đồng Mua điện: 77.729.434.235 đồng
04	Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	Công ty con	1301117885 18/07/2022 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô CN01, CN02, CN03, CN04, CCN Long Phước, xã An Phước, huyện Châu Thành, Bến Tre	Năm 2023	14/NQ-HĐQT ngày 22/05/2023 15/NQ-HĐQT ngày 29/05/2023	Mua cổ phần góp vốn: 77.600.000.000 đồng Mua cổ phần góp vốn: 2.368.000.000 đồng

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

Giao dịch với Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công - Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công

Các vấn đề liên quan khác

Công ty đã triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 (Tỷ lệ 15%) cho cổ đông và nhận được Công văn 8695/UBCK-QLCB ngày 30/12/2022 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của DHC. Công ty đã được Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 25/2009/GCNCP-VSD-15 ngày 17/01/2023, được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 18/01/2023 về việc thay đổi đăng ký niêm yết. Tổng số lượng chứng khoán hiện tại là 80.493.048 cổ phiếu.

Ngày 18/07/2023, Công ty đã nhận được Công văn số 4706/UBCK-PTTT của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về hồ sơ thông báo thay đổi sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty, theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre là 50%.







06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 ngày 10 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên
Ông Marco Martinelli	Thành viên độc lập
Ông Dương Thành Công	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12120343/66923428-FN/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo hợp lý và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.785.334.756.725	1.662.756.369.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	247.229.229.877	189.178.341.116
111	1. Tiền		215.229.229.877	134.178.341.116
112	2. Các khoản tương đương tiền		32.000.000.000	55.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		101.169.764.590	19.102.085.696
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	101.169.764.590	19.102.085.696
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		893.954.809.426	781.714.955.602
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	631.927.963.492	678.802.602.553
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	266.274.176.350	108.420.285.690
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		4.644.158.040	2.119.331.542
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(8.891.488.456)	(7.627.264.183)
140	IV. Hàng tồn kho		504.234.805.104	628.715.196.607
141	1. Hàng tồn kho	8	504.234.805.104	628.715.196.607
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		38.746.147.728	44.045.790.614
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	16.299.921.157	13.378.897.647
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.446.226.571	30.666.892.967
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.129.762.768.527	1.219.726.803.729
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.735.030.000	7.276.430.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	4.735.030.000	7.276.430.000
220	II. Tài sản cố định		1.041.688.114.149	1.138.189.069.171
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.041.460.816.284	1.137.830.233.701
222	Nguyên giá		1.696.609.188.119	1.698.338.607.785
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(655.148.371.835)	(560.508.374.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	227.297.865	358.835.470
228	Nguyên giá		1.044.334.250	1.044.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(817.036.385)	(685.498.780)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		45.594.858.239	44.753.101.628
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	45.594.858.239	44.753.101.628
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		6.879.002.167	5.296.159.450
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	13	6.879.002.167	5.296.159.450
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.865.763.972	24.212.043.480
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	30.865.763.972	23.577.973.496
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	634.069.984
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.915.097.525.252	2.882.483.173.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.063.193.325.576	1.131.127.570.739
310	I. Nợ ngắn hạn		1.062.496.403.155	1.131.127.570.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	302.930.877.621	532.623.989.424
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	7.254.770.614	27.284.420.722
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.495.706.917	16.478.940.206
314	4. Phải trả người lao động	17	21.336.041.087	19.943.412.966
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	13.299.520.347	8.350.042.877
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.922.019.115	4.528.423.461
320	8. Vay ngắn hạn	19	701.771.824.278	518.363.300.196
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.376.552.267	3.445.949.978
330	II. Nợ dài hạn		696.922.421	-
341	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	696.922.421	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.851.904.199.676	1.751.355.602.625
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.851.904.199.676	1.751.355.602.625
411	1. Vốn cổ phần		804.930.480.000	699.944.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		804.930.480.000	699.944.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		101.877.261.214	82.904.331.993
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		706.824.522.659	730.259.104.829
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		397.478.133.920	455.792.154.911
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		309.346.388.739	274.466.949.918
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.024.000.000	3.000.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.915.097.525.252	2.882.483.173.364

Phan Thị Trúc Ly
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng

Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	3.261.255.035.745	3.935.865.493.523
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(2.346.494.143)	(1.138.734.067)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	21.1	3.258.908.541.602	3.934.726.759.456
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(2.755.379.718.199)	(3.323.855.691.165)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		503.528.823.403	610.871.068.291
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	29.113.353.819	20.631.569.074
22	7. Chi phí tài chính	23	(38.098.931.655)	(42.009.199.350)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(33.205.155.630)	(19.111.142.447)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	1.894.842.717	329.362.626
25	9. Chi phí bán hàng	24	(108.078.537.833)	(119.423.890.402)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(37.809.201.984)	(38.049.892.173)
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		350.550.348.467	432.349.018.066
31	12. Thu nhập khác	25	7.856.443.647	5.480.525.221
32	13. Chi phí khác		(308.737.825)	(670.686.768)
40	14. Lợi nhuận khác		7.547.705.822	4.809.838.453
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		358.098.054.289	437.158.856.519
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(47.428.673.145)	(58.223.965.763)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(1.330.992.405)	523.693.661
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		309.338.388.739	379.458.584.417
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		309.338.388.739	379.458.584.417
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	3.766	4.620
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	3.766	4.620

Phan Thị Trúc Ly
Người lập

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		358.098.054.289	437.158.856.519
	Lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	102.294.331.979	101.042.171.871
03	Dự phòng		1.264.224.273	93.029.396
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(940.110.734)	(9.037.979.746)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.571.592.919)	(4.180.729.487)
06	Chi phí lãi vay	23	33.205.155.630	19.111.142.447
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		486.350.062.518	544.186.491.000
09	Tăng các khoản phải thu		(101.742.431.863)	(112.949.332.670)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		124.480.391.503	(308.815.626.167)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(160.869.294.155)	267.577.756.199
12	Tăng chi phí trả trước		(10.208.813.986)	(16.870.341.908)
14	Tiền lãi vay đã trả		(31.946.803.123)	(17.296.105.682)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(57.165.628.867)	(45.661.468.684)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.658.569.399)	(6.394.612.799)
20	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		241.238.912.628	303.776.759.289
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(88.084.006.924)	(76.953.443.009)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		343.364.855	217.893.926
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(102.710.547.945)	(5.045.061.634)
24	Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		20.642.869.051	30.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng		4.412.595.230	3.530.384.415
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(165.395.725.733)	(48.250.226.302)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát		32.000.000	3.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.539.961.428.933	1.797.986.481.801
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(1.356.552.904.851)	(1.650.392.535.412)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(201.232.620.000)	(314.974.903.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(17.792.095.918)	(164.380.957.111)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		58.051.090.977	91.145.575.876
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		189.178.341.116	98.169.465.231
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(202.216)	(136.699.991)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	247.229.229.877	189.178.341.116



Phan Thị Trúc Ly
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 ngày 10 tháng 1 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 693 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 742).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
			(%)	(%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre ("Bao Bì Bến Tre")	Sản xuất và kinh doanh bao bì carton	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và bìa	Trước hoạt động	98,32	97,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("Tân Cảng Giao Long")	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển	Đang hoạt động	26,00	26,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn/Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, phụ tùng và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn/Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

► Cổ tức

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.

Cổ tức công bố bằng cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất khi Nhóm Công ty hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	296.902.700	122.183.900
Tiền gửi ngân hàng	214.932.327.177	134.056.157.216
Các khoản tương đương tiền (*)	32.000.000.000	55.000.000.000
TỔNG CỘNG	247.229.229.877	189.178.341.116

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu (*)	15.000.000.000	-
Tiền gửi có kì hạn (**)	86.169.764.590	19.102.085.696
TỔNG CỘNG	101.169.764.590	19.102.085.696

- (*) Số dư trình bày khoản đầu tư vào trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt có kỳ hạn 1 năm và hưởng lãi suất 9,2%/năm.
- (**) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các tổ chức tài chính và được hưởng lãi suất áp dụng. Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 19).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phúc Hào	65.020.074.192	55.073.045.664
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	64.339.796.880	192.806.399.305
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập Khẩu Quốc tế Hoàng Long	62.812.118.891	51.072.724.692
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phúc Hào	41.106.126.240	13.713.548.940
- Khác	398.649.847.289	366.136.883.952
TỔNG CỘNG	631.927.963.492	678.802.602.553
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.891.488.456)	(7.627.264.183)
GIÁ TRỊ THUẦN	623.036.475.036	671.175.338.370
Trong đó:		
Phải thu từ các bên khác	623.036.475.036	669.452.338.388
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	1.722.999.982
Dài hạn		
- Công ty TNHH T&V Coconut	2.905.900.000	4.301.500.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Trúc Lan Vy	1.829.130.000	2.974.930.000
TỔNG CỘNG	4.735.030.000	7.276.430.000

- (*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.627.264.183)	(7.534.234.787)
Dự phòng trích lập trong năm	(1.457.263.030)	(324.069.823)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	193.038.757	231.040.427
Số cuối năm	(8.891.488.456)	(7.627.264.183)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhà cung cấp (*)	231.245.133.681	108.420.285.690
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Đức Long	65.325.367.977	45.325.367.977
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư An Bình	30.712.500.000	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Bất động sản Thiên Lộc	27.375.000.000	-
- Khác	107.832.265.704	63.094.917.713
Tạm ứng cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	35.029.042.669	-
TỔNG CỘNG	266.274.176.350	108.420.285.690

(*) Đây là các khoản tạm ứng cho người bán theo các hợp đồng kinh tế về cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Các nhà cung cấp sẽ hoàn trả khoản tạm ứng này theo kế hoạch cung ứng cụ thể của hàng hóa và dịch vụ và với lãi suất quy định trong hợp đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	247.231.288.446	199.447.286.451
Phụ tùng	109.851.356.201	124.903.379.172
Hàng mua đang đi đường	89.339.030.898	222.184.612.003
Thành phẩm	57.346.172.573	81.477.457.333
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	319.326.759	448.428.844
Công cụ, dụng cụ	147.630.227	254.032.804
TỔNG CỘNG	504.234.805.104	628.715.196.607

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	16.299.921.157	13.378.897.647
Công cụ, dụng cụ	8.054.048.254	6.894.638.461
Chi phí sửa chữa	6.675.147.913	4.855.120.683
Chi phí bảo hiểm	1.452.345.587	1.532.109.503
Khác	118.379.403	97.029.000
Dài hạn	30.865.763.972	23.577.973.496
Công cụ, dụng cụ	21.965.537.466	10.914.880.107
Tiền thuê đất (*)	3.016.673.820	3.217.290.030
Khác	5.883.552.686	9.445.803.359
TỔNG CỘNG	47.165.685.129	36.956.871.143

(*) Quyền sử dụng đất có liên quan đã được Nhóm Công ty thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
VND						
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.152.630.357.505	465.921.235.563	66.870.746.360	12.499.768.857	416.499.500	1.698.338.607.785
Mua sắm mới	2.223.245.000	390.754.873	3.598.657.408	44.431.818	-	6.257.089.099
Thanh lý trong năm	(143.750.000)	(6.021.350.856)	(1.713.407.909)	(108.000.000)	-	(7.986.508.765)
Số cuối năm	1.154.709.852.505	460.290.639.580	68.755.995.859	12.436.200.675	416.499.500	1.696.609.188.119
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	193.834.191.501	25.309.602.674	18.439.094.688	2.383.019.948	193.710.000	240.159.618.811
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(393.193.941.965)	(128.139.104.553)	(33.316.493.894)	(5.637.147.922)	(221.685.750)	(560.508.374.084)
Khấu hao trong năm	(67.579.045.752)	(24.926.179.597)	(7.701.633.799)	(1.918.803.776)	(37.131.450)	(102.162.794.374)
Thanh lý trong năm	143.750.000	5.940.326.664	1.330.719.959	108.000.000	-	7.522.796.623
Số cuối năm	(460.629.237.717)	(147.124.957.486)	(39.687.407.734)	(7.447.951.698)	(258.817.200)	(655.148.371.835)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	759.436.415.540	337.782.131.010	33.554.252.466	6.862.620.935	194.813.750	1.137.830.233.701
Số cuối năm	694.080.614.788	313.165.682.094	29.068.588.125	4.988.248.977	157.682.300	1.041.460.816.284
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 19)	166.175.861.877	62.160.098.752	3.350.234.545	-	-	231.686.195.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	232.602.450	811.731.800	1.044.334.250
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	82.602.450	306.231.800	388.834.250
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(100.273.730)	(585.225.050)	(685.498.780)
Hao mòn trong năm	(30.000.080)	(101.537.525)	(131.537.605)
Số cuối năm	(130.273.810)	(686.762.575)	(817.036.385)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	132.328.720	226.506.750	358.835.470
Số cuối năm	102.328.640	124.969.225	227.297.865

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng Nhà máy Giấy Giao Long	44.595.817.493	44.575.268.901
Công trình khác	999.040.746	177.832.727
TỔNG CỘNG	45.594.858.239	44.753.101.628

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Tân Cảng Giao Long	26%	6.879.002.167	26%	5.296.159.450

(*) Tân Cảng Giao Long là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 13009990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Số 126, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm và cuối năm	2.600.000.000
------------------------	---------------

Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	2.696.159.450
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	1.894.842.717
Cổ tức được chia	(312.000.000)
Số cuối năm	4.279.002.167

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	5.296.159.450
Số cuối năm	6.879.002.167

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	296.272.510.806	495.826.317.273
- Vipa Lausanne SA	56.976.894.915	181.812.643.601
- Peute Papierrecycling BV	17.455.878.026	18.446.843.923
- Jiangsu Huadong Paper Machinery Co., Ltd	16.253.859.204	14.108.818.626
- Khác	205.585.878.661	281.458.011.123
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	6.658.366.815	36.797.672.151
TỔNG CỘNG	302.930.877.621	532.623.989.424

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số đầu năm
Xiamen Gulong Development Co., Ltd	3.476.356.380	-
Taicang Lingbo Paper Co., Ltd	2.552.549.646	3.672.271.208
Khác	1.225.864.588	23.612.149.514
TỔNG CỘNG	7.254.770.614	27.284.420.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.166.794.496	47.428.673.145	(57.165.628.867)	4.429.838.774
Thuế thu nhập cá nhân	2.312.145.710	12.116.202.882	(11.769.267.350)	2.659.081.242
Thuế giá trị gia tăng	-	249.931.808.845	(249.525.021.944)	406.786.901
Khác	-	96.076.846.848	(96.076.846.848)	-
TỔNG CỘNG	16.478.940.206	405.553.531.720	(414.536.765.009)	7.495.706.917

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	11.652.715.390	6.535.006.112
Chi phí lãi vay	1.258.352.507	1.815.036.765
Khác	388.452.450	-
TỔNG CỘNG	13.299.520.347	8.350.042.877

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	3.079.247.610	2.725.039.559
Thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	507.717.287	480.717.287
Cổ tức phải trả	107.915.500	154.258.000
Khác	1.227.138.718	1.168.408.615
TỔNG CỘNG	4.922.019.115	4.528.423.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng ngắn hạn	518.363.300.196	1.539.961.428.933	(1.356.552.904.851)	701.771.824.278
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động của Công ty được trình bày như sau:				
Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	369.217.237.767	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 2 tháng 3 năm 2024	3,0 - 5,5	Quyền sử dụng đất các lô A IV-8, A IV-9, A VI-8 và A VI-9, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị thuộc Nhà máy Giao Long và Nhà máy Giao Long - giai đoạn 2 tại Lô AIII, máy móc thiết bị và tiền gửi có kỳ hạn giá trị 500.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	123.009.654.390	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 đến ngày 1 tháng 6 năm 2024	3,5 - 5,8	Các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	105.577.895.245	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2024	3,0 - 6,5	Khoản phải thu từ Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam và các khoản phải thu khác với giá trị 200.000.000.000 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Bến Tre	83.630.410.496	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 10 tháng 6 năm 2024	2,7 - 6,0	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 VND, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng ShinhanBank Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	20.336.626.380	Ngày 6 tháng 4 năm 2024	4,0	Khoản phải thu từ Công ty TNHH Vina Sunwoo
TỔNG CỘNG	701.771.824.278			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	VND
Năm trước						
Số đầu năm	699.944.230.000	235.247.935.803	58.837.320.462	703.066.240.055	-	1.697.095.726.320
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	379.458.584.417	-	379.458.584.417
Cổ tức	-	-	-	(314.974.903.500)	-	(314.974.903.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	24.067.011.531	(24.067.011.531)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.626.804.612)	-	(9.626.804.612)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.597.000.000)	-	(3.597.000.000)
Số cuối năm	699.944.230.000	235.247.935.803	82.904.331.993	730.259.104.829	-	1.748.355.602.625
Năm nay						
Số đầu năm	699.944.230.000	235.247.935.803	82.904.331.993	730.259.104.829	3.000.000.000	1.751.355.602.625
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	309.338.388.739	-	309.338.388.739
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh số 20.2)	104.986.250.000	-	-	(104.986.250.000)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh số 20.2)	-	-	-	(201.232.620.000)	-	(201.232.620.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	18.972.929.221	(18.972.929.221)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(7.589.171.688)	-	(7.589.171.688)
Góp vốn	-	-	-	-	32.000.000	32.000.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu ở công ty con	-	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Số cuối năm	804.930.480.000	235.247.935.803	101.877.261.214	706.824.522.659	3.024.000.000	1.851.904.199.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 với tổng số tiền là 26.562.100.909 VND.

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	699.944.230.000	699.944.230.000
Tăng trong năm	104.986.250.000	-
Vốn góp cuối năm	804.930.480.000	699.944.230.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	225.731.206.500	314.974.903.500
Cổ tức đã trả bằng tiền (*)	(201.232.620.000)	(314.974.903.500)
- Cổ tức năm 2021 đã trả bằng tiền	-	(209.983.269.000)
- Cổ tức năm 2022 bằng tiền	(120.739.572.000)	(104.991.634.500)
- Tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền	(80.493.048.000)	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (**)	(104.986.250.000)	-

(*) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 30% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, với tổng giá trị là 225.731.206.500 VND.

Trong năm, Công ty đã chi cổ tức còn lại của năm 2022 bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 120.739.572.000 VND theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 08/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2023 và 20/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2023. Công ty đã hoàn thành tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 của năm 2022 bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông với tổng giá trị là 104.991.634.500 VND trong năm 2022.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2023, HĐQT đã thông qua Nghị quyết HĐQT số 22/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 80.493.048.000 VND.

(**) Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 đã phê duyệt việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:15. Công ty đã hoàn tất việc phát hành bổ sung 10.498.625 cổ phiếu phổ thông vào ngày 27 tháng 1 năm 2023. Việc tăng vốn này đã được chấp thuận bởi SKHĐT Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 vào ngày 10 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	80.493.048	69.994.423
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	80.493.048	69.994.423
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	80.493.048	69.994.423

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.4 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	309.338.388.739	379.458.584.417
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.186.767.775)	(7.589.171.688)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	303.151.620.964	371.869.412.729
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	80.493.048	80.493.048
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	3.766	4.620
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	3.766	4.620

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	3.261.255.035.745	3.935.865.493.523
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.248.916.380.991	3.915.705.346.582
Doanh thu bán nguyên vật liệu	12.193.200.209	14.604.454.545
Doanh thu khác	145.454.545	5.555.692.396
Các khoản giảm trừ	(2.346.494.143)	(1.138.734.067)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(582.802.378)	(542.294.144)
Giảm giá hàng bán	(714.823.445)	(421.007.673)
Hàng bán bị trả lại	(1.048.868.320)	(175.432.250)
Doanh thu thuần	3.258.908.541.602	3.934.726.759.456
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.246.569.886.848	3.914.566.612.515
Doanh thu bán hàng hóa	12.193.200.209	14.604.454.545
Doanh thu khác	145.454.545	5.555.692.396

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.389.568.975	15.791.906.229
Thu nhập từ hợp đồng ứng vốn với nhà cung cấp	10.719.935.940	-
Lãi tiền gửi	5.797.097.489	3.710.660.799
Khác	206.751.415	1.129.002.046
TỔNG CỘNG	29.113.353.819	20.631.569.074

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.745.293.423.308	3.300.103.403.551
Giá vốn bán nguyên vật liệu	10.024.794.891	18.397.562.770
Giá vốn khác	61.500.000	5.354.724.844
TỔNG CỘNG	2.755.379.718.199	3.323.855.691.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	33.205.155.630	19.111.142.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.893.776.025	22.898.056.903
TỔNG CỘNG	38.098.931.655	42.009.199.350

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	108.078.537.833	119.423.890.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.022.769.491	92.735.220.107
Chi phí nhân viên	18.849.098.677	17.356.170.814
Chi phí vật liệu	5.208.932.041	5.164.856.556
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.054.853.264	1.947.773.429
Khác	3.942.884.360	2.219.869.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.809.201.984	38.049.892.173
Chi phí nhân viên	13.567.822.414	12.227.326.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.619.912.109	16.126.233.487
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.379.924.460	3.331.486.638
Chi phí dự phòng	885.883.674	1.267.913.151
Khác	7.355.659.327	5.096.932.465
TỔNG CỘNG	145.887.739.817	157.473.782.575

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	7.856.443.647	5.317.853.310
Khác	-	162.671.911
TỔNG CỘNG	7.856.443.647	5.480.525.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.828.162.705.552	2.693.472.708.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	687.587.964.511	698.315.663.033
Chi phí nhân viên	166.374.973.781	154.546.250.722
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	102.294.331.979	101.042.171.871
Khác	72.267.930.639	56.292.530.388
TỔNG CỘNG	2.856.687.906.462	3.703.669.324.162

27. CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Các chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phát sinh trong năm nay và năm trước bao gồm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	250.000.000	230.000.000
Các loại phí dịch vụ bảo đảm khác của Công ty và các công con	245.000.000	210.000.000
TỔNG CỘNG	495.000.000	440.000.000

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty: Công ty được miễn hai năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn năm tiếp theo (2022 - 2025).

Bao Bì Bến Tre: Công ty này có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	47.147.958.315	58.223.965.763
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	280.714.830	-
	47.428.673.145	58.223.965.763
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.330.992.405	(523.693.661)
TỔNG CỘNG	48.759.665.550	57.700.272.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.098.054.289	437.158.856.519
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng:	71.619.610.858	87.431.771.304
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	704.001.195	649.905.663
Lãi từ công ty liên kết	(378.968.543)	(65.872.525)
Chuyển lỗ tại công ty con	(223.948.776)	1.108.889.635
Thuế TNDN được giảm	(23.241.744.014)	(31.424.421.975)
Thuế TNDN trích thiếu từ các năm trước	280.714.830	-
Chi phí thuế TNDN	48.759.665.550	57.700.272.102

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng	(971.754.561)	-	(971.754.561)	-
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	274.832.140	634.069.984	(359.237.844)	523.693.661
(Thuế TNDN hoãn lại phải trả)/tài sản thuế TNDN hoãn lại	(696.922.421)	634.069.984	(1.330.992.405)	523.693.661
(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(1.330.992.405)	523.693.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công ("Năng Lượng Thành Công")	Công ty cùng thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm này và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
			VND
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi	291.051.119.000	311.844.466.141
	Mua điện	77.729.434.235	-
Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ	39.033.607.640	24.032.568.950
	Phí thuê bãi	7.025.000.000	2.193.750.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
			VND
Phải thu khách hàng			
Năng Lượng Thành Công	Bán tài sản cố định	-	1.722.999.982
Phải trả người bán ngắn hạn			
Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ	6.350.826.015	7.651.756.800
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi và điện	307.540.800	29.145.915.351
TỔNG CỘNG		6.658.366.815	36.797.672.151
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Năng Lượng Thành Công	Mua hơi và điện	35.029.042.669	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*) VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.697.538.898	1.902.845.635
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.323.942.484	1.571.018.234
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.215.065.211	1.232.184.693
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	99.000.000	249.000.000
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	-	224.500.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	99.000.000	249.000.000
Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	99.000.000	24.500.000
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	58.000.000	87.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	188.786.815	216.317.797
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên BKS	-	55.500.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	43.500.000	10.500.000
TỔNG CỘNG		4.823.833.408	5.822.366.359

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho bãi và thuê xe theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	7.202.487.557	995.239.204
Từ 1 - 5 năm	12.107.307.561	3.980.956.814
Trên 5 năm	26.060.670.004	29.449.451.077
TỔNG CỘNG	45.370.465.122	34.425.647.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phan Thị Trúc Ly
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Bến Tre, Ngày 18 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



LÊ BÁ PHƯƠNG